

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định Giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng,

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định Giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn chi tiết điều kiện, tiêu chí, trình tự, thủ tục đăng ký, xét tặng giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, bao gồm:

a) Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao;

b) Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có công trình xây dựng, gói thầu xây dựng đăng ký tham dự xét thưởng;

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tổ chức Giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

3. Các hiệp hội, hội chuyên ngành xây dựng khi tổ chức xét giải thưởng khác về chất lượng công trình xây dựng, nếu có nguyện vọng được hưởng quyền lợi quy định tại Điều 6 Thông tư này thì trình Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

4. Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng được thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Điều kiện đối với công trình xây dựng đăng ký tham dự Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao

1. Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn, hạ tầng kỹ thuật từ cấp III trở lên, được xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đã được nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng theo quy định của pháp luật trong thời gian không quá 3 năm tính đến thời điểm đăng ký xét thưởng.

3. Không vi phạm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, đấu thầu, an toàn lao động, bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ và các quy định khác của pháp luật liên quan.

4. Việc đăng ký công trình quốc phòng, an ninh tham dự Giải thưởng phải được sự chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 3. Điều kiện đối với gói thầu xây dựng đăng ký tham dự Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao

1. Gói thầu thuộc công trình đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này.

2. Loại gói thầu và giá trị gói thầu đáp ứng quy định tại Phụ lục I Thông tư này.

3. Đối với gói thầu thực hiện theo hình thức tổng thầu EPC, tổng thầu xây dựng thì không quy định giá trị gói thầu nhưng công trình phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 Thông tư này. Việc đăng ký và xét thưởng được thực hiện cho toàn bộ các gói thầu trong hợp đồng tổng thầu.

Điều 4. Nguyên tắc xét thưởng và thời gian tổ chức

1. Đảm bảo công khai, khách quan, công bằng trên cơ sở các tiêu chí đánh giá quy định tại Thông tư này.

2. Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao được xét thưởng hàng năm.

Điều 5. Hình thức và đối tượng nhận giải thưởng

1. Đối với Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao:

a) Các chủ thể tham gia xây dựng công trình đạt Giải thưởng bao gồm Chủ đầu tư, nhà thầu chính thiết kế, nhà thầu chính thi công xây dựng, nhà thầu giám sát thi công xây dựng được nhận Giấy chứng nhận Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao. Riêng đơn vị đăng ký được nhận Giấy chứng nhận Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Huy chương vàng chất lượng cao;

b) Đơn vị đăng ký tham dự và đạt Giải thưởng trong 03 năm liên tục hoặc có 03 công trình trở lên đạt Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao trong 01 năm được xét tặng Cờ chất lượng cao.

2. Đối với Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao:

a) Các nhà thầu có gói thầu xây dựng đạt Giải thưởng được nhận Huy chương vàng chất lượng cao và Giấy chứng nhận Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao;

b) Các nhà thầu đăng ký gói thầu tham dự giải thưởng được xét tặng Cờ chất lượng cao khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: có 05 gói thầu xây dựng đạt Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao trong 01 năm hoặc đạt tổng số 05 Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao trở lên trong 01 năm.

Điều 6. Quyền lợi của tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng

1. Được ưu tiên trong quá trình lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, cụ thể như sau:

a) Hồ sơ dự thầu của nhà thầu thi công xây dựng được cộng điểm cho phần tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật theo phương pháp chấm điểm hoặc ưu tiên mức độ đánh giá về kỹ thuật theo tiêu chí đạt hoặc không đạt theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập Hồ sơ mời thầu xây lắp. Giải thưởng làm căn cứ để ưu tiên trong xét thầu là giải thưởng mà nhà thầu đạt được trong thời gian không quá 3 năm tính đến thời điểm đăng ký tham gia dự thầu công trình hoặc gói thầu tương tự về loại và cấp công trình;

b) Nhà thầu thiết kế, giám sát thi công xây dựng công trình được Chủ đầu tư vận dụng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này để xem xét, ưu tiên lựa chọn nhà thầu khi đăng ký tham gia dự thầu công trình hoặc gói thầu tương tự về loại và cấp công trình.

2. Được xem xét thương hợp đồng theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận trong hợp đồng với chủ đầu tư.

3. Được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải thông tin trên các Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Sở Xây dựng các địa phương để làm cơ sở đánh giá năng lực nêu tại Khoản 1 Điều này trong quá trình lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng.

4. Được nhận giải thưởng và tôn vinh tại lễ trao giải thưởng.

5. Được quyền sử dụng khai thác thương mại biểu trưng của giải thưởng trong các hoạt động kinh doanh, tiếp thị.

6. Tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong quá trình tham gia giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng được xem xét, đề nghị khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

7. Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Thẩm quyền tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng

1. Bộ Xây dựng là cơ quan chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội, hội nghề nghiệp tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng.

2. Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng là Cơ quan Thường trực tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng (Cơ quan Thường trực).

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định thành lập Hội đồng xét thưởng (Hội đồng) theo đề nghị của Cơ quan Thường trực, thành phần gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng Bộ Xây dựng;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng;

c) Các Ủy viên Hội đồng: Lãnh đạo cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng và các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; đại diện Công đoàn Xây dựng Việt Nam; đại diện các hiệp hội, hội nghề nghiệp và các cơ quan có liên quan theo đề nghị của Cơ quan Thường trực.

4. Hội đồng có nhiệm vụ tổ chức xét thưởng Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao. Cơ quan Thường trực có trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng trong hoạt động tổ chức xét thưởng.

5. Chủ tịch Hội đồng ban hành Quy chế Tổ chức hoạt động của Hội đồng.

Điều 8. Kinh phí tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng

1. Nguồn kinh phí tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng bao gồm:

a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán chi thường xuyên (nguồn kinh phí sự nghiệp) của Bộ Xây dựng;

b) Nguồn thu từ các khoản tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong nước và ngoài nước; các khoản thu khác (nếu có) phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Chi phí tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng bao gồm:

a) Chi phí hoạt động của Hội đồng, Cơ quan Thường trực và các chuyên gia giúp việc cho Hội đồng: chi thù lao, tiền làm thêm giờ, chi phí hội họp, tài liệu, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm...;

b) Chi phí kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại công trình: chi phí đi lại, thuê phòng nghỉ, phụ cấp lưu trú cho đoàn kiểm tra;

c) Chi phí cho giải thưởng: chi phí làm huy chương, giấy chứng nhận giải thưởng, cờ chất lượng cao và các ấn phẩm liên quan đến giải thưởng;

d) Chi phí tổ chức công bố và trao giải thưởng: chi phí đăng tải trên trang thông tin điện tử; chi phí truyền thông, thuê địa điểm, tổ chức tôn vinh và trao giải thưởng;

đ) Các chi phí khác phục vụ cho hoạt động tổ chức giải thưởng.

3. Việc quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn về quản lý tài chính hiện hành.

Điều 9. Xử lý vi phạm trong hoạt động tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng

1. Tổ chức, cá nhân nếu bị phát hiện hoặc bị khiếu kiện có hành vi vi phạm trong quá trình tham dự giải thưởng thì Hội đồng căn cứ vào mức độ vi phạm của tổ chức, cá nhân để xem xét và kiến nghị thu hồi giải thưởng đã trao tặng. Các hành vi vi phạm bao gồm:

a) Lập hồ sơ không trung thực để đề nghị cơ quan, cấp có thẩm quyền giới thiệu, đề cử, bình chọn, xét thưởng;

b) Lợi dụng giải thưởng đã được trao để có hành vi vi phạm pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục xem xét việc thu hồi giải thưởng:

a) Hội đồng tổ chức đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra, xác minh tổ chức, cá nhân bị phát hiện hoặc bị khiếu kiện có hành vi vi phạm;

b) Căn cứ mức độ vi phạm của tổ chức, cá nhân, Hội đồng kiến nghị Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, quyết định về việc thu hồi giải thưởng.

3. Việc thu hồi giải thưởng đã trao tặng được công bố công khai trên các Trang Thông tin điện tử Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Sở Xây dựng các địa phương.

Chương II

GIẢI THƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 10. Tiêu chí đánh giá công trình xây dựng chất lượng cao

1. Công trình xây dựng tham dự Giải thưởng được đánh giá bằng phương pháp chấm điểm với tổng số điểm tối đa là 100 dựa trên các tiêu chí đánh giá như sau:

a) Chất lượng công trình;

b) An toàn trong thi công xây dựng; an toàn phòng, chống cháy, nổ và vệ sinh môi trường;

c) Công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình;

d) Tiến độ xây dựng công trình;

đ) Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, tiên bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng;

e) Đánh giá của Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý sử dụng;

g) Các giải thưởng khác về kiến trúc, xây dựng.

2. Nội dung chi tiết và cách tính điểm của từng tiêu chí theo quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

3. Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao được xét tặng cho các công trình đạt từ 75 điểm trở lên, đồng thời số điểm quy định tại Điều a Khoản 1 Điều này tối thiểu phải đạt 40 điểm.

4. Công trình đạt Giải thưởng công trình xây dựng chất lượng cao với số điểm đánh giá từ 85 điểm trở lên thì được đề cử xét tặng Giải thưởng Quốc gia về chất lượng công trình xây dựng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xét tặng Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao

1. Đăng ký:

a) Chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính, tổng thầu thi công xây dựng (có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư) nộp 02 bộ hồ sơ đăng ký công trình tham dự giải thưởng trước ngày 30 tháng 10 hằng năm. Hồ sơ đăng ký nộp sau thời gian nêu trên sẽ được xét vào năm kế tiếp. Khuyến khích việc nộp bản đăng ký từ khi khởi công xây dựng công trình;

b) Nội dung hồ sơ đăng ký được quy định tại Phụ lục III Thông tư này;

c) Bản đăng ký tham dự Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao được quy định tại Mẫu số 1 Phụ lục IV Thông tư này;

d) Hình thức đăng ký: Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện về Cơ quan Thường trực, đồng thời Bản đăng ký tham dự giải thưởng được gửi về Sở Xây dựng địa phương nơi xây dựng công trình.

đ) Danh mục các công trình xây dựng đăng ký tham dự giải thưởng được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Bộ Xây dựng để lấy ý kiến cộng đồng.

2. Quy trình xét thưởng:

a) Kiểm tra hồ sơ đăng ký: Cơ quan Thường trực kiểm tra sơ bộ về số lượng, chất lượng hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì yêu cầu đơn vị đăng ký hoàn thiện;

b) Đánh giá hồ sơ: Cơ quan Thường trực phối hợp với chuyên gia tiến hành đánh giá hồ sơ công trình tham dự giải thưởng;

c) Đánh giá tại công trình: Cơ quan Thường trực tổ chức đoàn đánh giá gồm thành viên Hội đồng, đại diện Cơ quan Thường trực, chuyên gia, đại diện Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành của địa phương tiến hành đánh giá tại công trình. Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế và kết quả đánh giá của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi kiểm tra công tác nghiệm thu công trình, đoàn đánh giá thực hiện việc chấm điểm cho công trình;

d) Lập danh mục công trình đề nghị xét thưởng: Căn cứ kết quả đánh giá trên hồ sơ và đánh giá tại công trình, Cơ quan Thường trực lập và trình Hội đồng danh mục các công trình đáp ứng các tiêu chí đánh giá;

đ) Tổ chức xét thưởng: Hội đồng họp xem xét, đánh giá, thẩm định hồ sơ đánh giá trên cơ sở đề xuất của Cơ quan Thường trực và trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định về danh mục các công trình đạt giải thưởng.

Điều 12. Tổ chức công bố và trao Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao

1. Danh mục các công trình được tặng Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao và các chủ thể tham gia xây dựng công trình được đăng tải trên

các Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Sở Xây dựng các địa phương.

2. Cơ quan Thường trực tổ chức công bố và trao Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao cho các đơn vị có công trình đạt giải.

3. Căn cứ điều kiện thực tế, việc công bố và trao giải thưởng có thể được tổ chức vào thời gian thích hợp trên cơ sở xem xét đề nghị của đơn vị đăng ký công trình được tặng giải thưởng và đề xuất của Cơ quan Thường trực.

Chương III

GIẢI THƯỞNG GÓI THẦU XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 13. Tiêu chí đánh giá gói thầu xây dựng chất lượng cao

1. Gói thầu xây dựng tham dự Giải thưởng được đánh giá bằng phương pháp chấm điểm với tổng số điểm tối đa là 100 dựa trên các tiêu chí đánh giá được nêu tại Khoản 2, 3 và 4 của Điều này. Gói thầu đạt giải thưởng là gói thầu có số điểm đánh giá từ 75 trở lên.

2. Tiêu chí đánh giá gói thầu thi công xây dựng được quy định tại Phụ lục V của Thông tư này.

3. Tiêu chí đánh giá gói thầu tư vấn thiết kế được quy định tại Phụ lục VI của Thông tư này.

4. Tiêu chí đánh giá gói thầu tư vấn giám sát được quy định tại Phụ lục VII của Thông tư này.

5. Việc đánh giá gói thầu theo hình thức tổng thầu EPC hoặc tổng thầu thi công xây dựng được thực hiện trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá các gói thầu trong hợp đồng tổng thầu theo tiêu chí quy định tại các Phụ lục V, VI, VII của Thông tư này.

Điều 14. Trình tự, thủ tục xét tặng Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao

1. Đăng ký:

a) Nhà thầu nộp 02 bộ hồ sơ đăng ký trước ngày 30 tháng 10 hằng năm. Hồ sơ đăng ký nộp sau thời gian nêu trên sẽ được xét vào năm kế tiếp;

b) Nội dung hồ sơ đăng ký theo quy định tại Phụ lục III của Thông tư này;

c) Bản đăng ký tham dự Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao được quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục IV Thông tư này;

d) Hình thức đăng ký: Hồ sơ đăng ký được nộp trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện về Cơ quan Thường trực, đồng thời Bản đăng ký tham dự giải thưởng được gửi về Sở Xây dựng địa phương nơi xây dựng công trình.

đ) Danh mục các gói thầu xây dựng đăng ký tham dự giải thưởng được đăng tải trên Trang thông tin điện tử Bộ Xây dựng để lấy ý kiến cộng đồng.

2. Quy trình đánh giá:

a) Kiểm tra hồ sơ đăng ký: Cơ quan Thường trực kiểm tra sơ bộ về số lượng, chất lượng hồ sơ. Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng quy định thì yêu cầu đơn vị đăng ký hoàn thiện;

b) Đánh giá hồ sơ: Cơ quan Thường trực phối hợp với chuyên gia tiến hành đánh giá hồ sơ gói thầu tham dự giải thưởng;

c) Đánh giá tại công trình: Cơ quan Thường trực tổ chức đoàn đánh giá gồm thành viên Hội đồng, đại diện Cơ quan Thường trực, chuyên gia, đại diện Sở Xây dựng, Sở Quản lý công trình xây dựng chuyên ngành của địa phương tiến hành đánh giá tại công trình. Căn cứ kết quả kiểm tra thực tế và kết quả đánh giá của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi kiểm tra công tác nghiệm thu công trình, đoàn đánh giá thực hiện việc chấm điểm cho gói thầu;

d) Lập danh mục gói thầu đề nghị xét thưởng: Căn cứ kết quả đánh giá hồ sơ và đánh giá tại công trình, Cơ quan Thường trực lập và trình Hội đồng danh mục các gói thầu đáp ứng các tiêu chí đánh giá;

đ) Tổ chức xét thưởng: Hội đồng họp xem xét, đánh giá, thẩm định hồ sơ đánh giá trên cơ sở đề xuất của Cơ quan Thường trực và trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng quyết định về danh mục các gói thầu đạt giải thưởng.

Điều 15. Tổ chức công bố và trao Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao

1. Danh mục các gói thầu đạt giải thưởng và nhà thầu thực hiện gói thầu được đăng tải trên các Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, các Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và Sở Xây dựng các địa phương.

2. Cơ quan Thường trực tổ chức công bố và trao Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao cùng thời gian với việc trao Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao hằng năm.

3. Căn cứ điều kiện thực tế, việc công bố và trao giải thưởng có thể được tổ chức vào thời gian thích hợp trên cơ sở xem xét đề nghị của nhà thầu được tặng giải thưởng và đề xuất của Cơ quan Thường trực.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Các hồ sơ đăng ký tham dự Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao lập theo quy định của Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng Ban hành Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng đã nộp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải đăng ký lại. Việc đánh giá tại công trình và xét thưởng được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

2. Các công trình đã đăng ký và được đánh giá tại công trình trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không phải tổ chức đánh giá lại. Việc xét thưởng được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016 và thay thế những nội dung quy định về giải thưởng công trình chất lượng cao tại Thông tư số 12/2013/TT-BXD ngày 29 tháng 7 năm 2013 của Bộ Xây dựng ban hành Quy định Tổ chức giải thưởng về chất lượng công trình xây dựng và Thông tư số 09/2014/TT-BXD ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều tại các thông tư hướng dẫn Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì các tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để xem xét, giải quyết. *th*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó TTg CP;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ XD;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, GĐ (30b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Quang Hùng

Phụ lục I
LOẠI GÓI THẦU XÂY DỰNG VÀ GIÁ TRỊ GÓI THẦU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
GIẢI THƯỞNG GÓI THẦU XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số **04** /2016/TT-BXD
ngày **10** tháng **3** năm 2016 của Bộ Xây dựng)

STT	Loại công trình	Gói thầu thi công xây dựng			Gói thầu tư vấn thiết kế			Gói thầu tư vấn giám sát		
		Loại gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)		Tên gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)		Tên gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)	
			Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III		Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III		Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III
1	Dân dụng	- Phần nền, móng - Phần kết cấu, xây thô - Phần cơ điện - Phần hoàn thiện công trình	≥ 50 ≥ 75 ≥ 25 ≥ 100	≥ 10 ≥ 15 ≥ 10 ≥ 15	- Toàn bộ công trình - Phần kiến trúc, kết cấu - Phần cơ điện	≥ 3,0 ≥ 1,5 ≥ 1,5	≥ 1,0 ≥ 0,5 ≥ 0,5	- Toàn bộ công trình - Phần kết cấu, xây thô - Phần cơ điện - Phần hoàn thiện công trình	≥ 3,0 ≥ 1,0 ≥ 1,0 ≥ 1,0	≥ 1,0 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5
2	Công nghiệp	- Phần xây dựng - Phần lắp đặt thiết bị công nghệ; - Phần gia công, lắp đặt thiết bị cơ khí.	≥ 100 ≥ 100 ≥ 100	≥ 50 ≥ 50 ≥ 50	- Toàn bộ công trình - Phần xây dựng - Phần công nghệ	≥ 3,0 ≥ 2,0 ≥ 1,0	≥ 1,5 ≥ 1,0 ≥ 0,5	- Toàn bộ công trình - Phần xây dựng - Phần lắp đặt thiết bị công nghệ - Phần gia công, lắp đặt thiết bị cơ	≥ 3,0 ≥ 2,0 ≥ 1,0 ≥ 1,0	≥ 1,5 ≥ 1,0 ≥ 0,5 ≥ 0,5

STT	Loại công trình	Gói thầu thi công xây dựng			Gói thầu tư vấn thiết kế			Gói thầu tư vấn giám sát		
		Loại gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)		Tên gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)		Tên gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)	
			Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III		Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III		Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III
								khí.		
3	Giao thông	- Xử lý nền - Đường bộ - Đường sắt - Cầu - Hàm - Cầu cảng - Đường sắt đô thị - Đường băng và sân đỗ máy bay	≥ 100 ≥ 200 ≥ 100 ≥ 100 ≥ 100 ≥ 200 ≥ 200 ≥ 100	≥ 50 ≥ 100 ≥ 50 ≥ 50 ≥ 50 ≥ 100 ≥ 100 ≥ 50	- Toàn bộ công trình - Xử lý nền - Đường bộ - Đường sắt - Cầu - Hàm - Cầu cảng - Đường sắt đô thị - Đường băng và sân đỗ máy bay	$\geq 3,0$ $\geq 1,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$	$\geq 1,5$ $\geq 0,5$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$	- Toàn bộ công trình - Xử lý nền - Đường bộ - Đường sắt - Cầu - Hàm - Cầu cảng - Đường sắt đô thị - Đường băng và sân đỗ máy bay	$\geq 3,0$ $\geq 1,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$ $\geq 2,0$	$\geq 1,5$ $\geq 0,5$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$ $\geq 1,0$
4	Hạ tầng kỹ thuật	- Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị - Nhà máy nước	≥ 150	≥ 50	- Toàn bộ công trình - Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - Hạ tầng kỹ thuật	$\geq 1,5$	$\geq 0,5$	- Toàn bộ công trình - Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp - Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị	$\geq 1,5$	$\geq 0,5$

STT	Loại công trình	Gói thầu thi công xây dựng			Gói thầu tư vấn thiết kế			Gói thầu tư vấn giám sát		
		Loại gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)		Tên gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)		Tên gói thầu	Giá trị của gói thầu (tỷ đồng)	
			Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III		Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III		Thuộc công trình cấp đặc biệt, cấp I	Thuộc công trình cấp II, cấp III
		- Tuyến ống cấp nước - Trạm xử lý nước thải - Nhà máy xử lý chất thải rắn			thuật khu đô thị - Nhà máy nước - Tuyến ống cấp nước - Trạm xử lý nước thải - Nhà máy xử lý chất thải rắn			- Nhà máy nước - Tuyến ống cấp nước - Trạm xử lý nước thải - Nhà máy xử lý chất thải rắn		
5	Nông nghiệp và PTNT	- Đập - Thiết bị cơ khí thủy công - Đê, kè - Kênh, mương - Cống - Nông – Lâm - Ngư nghiệp, diêm nghiệp	≥ 750 ≥ 50 ≥ 100 ≥ 50 ≥ 25 ≥ 50	≥ 150 ≥ 10 ≥ 20 ≥ 10 ≥ 5 ≥ 10	- Toàn bộ công trình - Đập - Đê, kè - Kênh, mương - Cống - Nông – Lâm - Ngư nghiệp, diêm nghiệp	≥ 3,0 ≥ 1,5 ≥ 1,0 ≥ 1,0 ≥ 1,0 ≥ 1,5	≥ 1,0 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5	- Toàn bộ công trình - Đập - Đê, kè - Kênh, mương - Cống - Nông – Lâm - Ngư nghiệp, diêm nghiệp	≥ 3,0 ≥ 1,5 ≥ 1,0 ≥ 1,0 ≥ 1,0 ≥ 1,5	≥ 1,0 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5 ≥ 0,5

Ghi chú: - Đối với các gói thầu đặc biệt khác, Đơn vị đăng ký có thể gửi đề nghị về Cơ quan Thường trực Hội đồng để báo cáo Hội đồng xem xét, quyết định.

- Trường hợp gói thầu do nhiều nhà thầu thực hiện, nhà thầu đăng ký gói thầu tham dự Giải thưởng là nhà thầu phải thực hiện trên 2/3 giá trị gói thầu đăng ký xét thưởng.

Phụ lục II
BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT CHO CÁC TIÊU CHÍ XÉT THƯỞNG
GIẢI THƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành kèm theo Thông tư số **04/2016/TT-BXD** ngày **10** tháng **3** năm 2016 của Bộ Xây dựng)

TT	Tiêu chí đánh giá	Công trình dân dụng	Công trình công nghiệp	Công trình giao thông	Công trình NN và PTNT	Công trình hạ tầng KT
1.	Chất lượng công trình	55	55	55	55	55
1.1	Kết cấu	20	18	30	28	18
	- Chất lượng vật liệu đầu vào so với yêu cầu thiết kế	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 8	0 đến 7	0 đến 5
	- Chất lượng thi công các kết cấu công trình (các chỉ tiêu kỹ thuật, vị trí, cao độ, kích thước hình học...) so với yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.	0 đến 10	0 đến 8	0 đến 15	0 đến 14	0 đến 8
	- Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng kết cấu qua các số liệu quan trắc so với yêu cầu thiết kế (độ lún, chuyển vị, biến dạng, thấm...).	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 7	0 đến 7	0 đến 5
	- Mức độ sai sót trong thi công + Sai sót trong thi công nhưng được khắc phục kịp thời không gây ảnh hưởng đến chất lượng công việc tiếp theo; + Sai sót không được khắc phục kịp thời	-2 -5	-2 -5	-2 -5	-2 -5	-2 -5
1.2	Kiến trúc – hoàn thiện	17	12	5	5	12
	- Mức độ hài hòa của hình khối kiến trúc công trình với cảnh quan môi trường	0 đến 4	0 đến 3	0 đến 2	0 đến 2	0 đến 3
	- Chất lượng thi công các bộ phận kiến trúc theo yêu cầu thiết kế.	0 đến 5	0 đến 4	0 đến 2	0 đến 2	0 đến 4
	- Chất lượng vật liệu hoàn thiện	0 đến 3	0 đến 2			0 đến 2
	- Mức độ hoàn thiện, độ tinh xảo	0 đến 5	0 đến 3	0 đến 1	0 đến 1	0 đến 3
1.3	Hệ thống kỹ thuật, thiết bị	8	15	5	9	15

TT	Tiêu chí đánh giá	Công trình dân dụng	Công trình công nghiệp	Công trình giao thông	Công trình NN và PTNT	Công trình hạ tầng KT
	- Xuất xứ, nguồn gốc thiết bị - Công tác chế tạo, lắp đặt và nghiệm thu theo yêu cầu thiết kế	0 đến 2 0 đến 4	0 đến 3 0 đến 8	0 đến 4	0 đến 2 0 đến 4	0 đến 3 0 đến 8
	- Vận hành an toàn, các thông số kỹ thuật nằm trong giới hạn cho phép	0 đến 2	0 đến 4	0 đến 1	0 đến 3	0 đến 4
1.4	Công năng	5	5	5	5	5
	- Dây chuyền công năng phù hợp - Đảm bảo quy mô, công suất theo thiết kế - Tính thích dụng	0 đến 2 0 đến 2 0 đến 1	0 đến 2 0 đến 2 0 đến 1	0 đến 3 0 đến 2	0 đến 2 0 đến 1	0 đến 2 0 đến 1
1.5	Giai đoạn bảo hành, khai thác, sử dụng	5	5	10	8	5
	- Không có những biểu hiện suy giảm về chất lượng (lún, nứt, thấm, biến dạng...) - Hệ thống kỹ thuật, thiết bị vận hành an toàn, không xảy ra sự cố - Thực hiện công tác bảo trì đúng quy định	0 đến 2 0 đến 2 0 đến 1	0 đến 2 0 đến 2 0 đến 1	0 đến 7 0 đến 3	0 đến 4 0 đến 2 0 đến 2	0 đến 2 0 đến 2 0 đến 1
2.	An toàn trong thi công xây dựng, an toàn phòng, chống cháy nổ và vệ sinh môi trường	9	9	9	9	9
2.1	An toàn trong thi công xây dựng	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4
2.2	An toàn phòng, chống cháy nổ	0 đến 2	0 đến 2	0 đến 2	0 đến 2	0 đến 2
2.3	An toàn vệ sinh môi trường	0 đến 3	0 đến 3	0 đến 3	0/3	0 đến 3
2.4	Sự cố					
	- Cấp I	-15	-15	-15	-15	-15
	- Cấp II	-10	-10	-10	-10	-10
	- Cấp III	-5	-5	-5	-5	-5
3.	Công tác quản lý chất lượng của các chủ thể tham gia xây dựng công trình	18	18	18	18	18
3.1	Mức độ đáp ứng về điều kiện năng lực của các chủ thể (nhân lực, năng lực thiết bị, kinh nghiệm...)	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 5

TT	Tiêu chí đánh giá	Công trình dân dụng	Công trình công nghiệp	Công trình giao thông	Công trình NN và PTNT	Công trình hạ tầng KT
3.2	Hệ thống quản lý chất lượng của các chủ thể (mức độ hoàn thiện của HTQLCL và hiệu quả hoạt động của nó)	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4
3.3	Sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng của các chủ thể (mức độ, vi phạm)	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 5	0 đến 5
3.4	Hồ sơ quản lý chất lượng, hồ sơ hoàn thành công trình	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4
4.	Tiến độ xây dựng công trình	5	5	5	5	5
4.1	Đảm bảo đúng hoặc vượt tiến độ	5	5	5	5	5
4.2	Kéo dài tiến độ nhưng do những điều kiện bất khả kháng (thiên tai, sự cố môi trường, dịch họa, hỏa hoạn và các yếu tố bất khả kháng khác)	2	2	2	2	2
4.3	Kéo dài tiến độ do lỗi hoàn toàn của Chủ đầu tư hay của nhà thầu	-5	-5	-5	-5	-5
5.	Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu mới, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng	8	8	8	8	8
5.1	Có áp dụng tiến bộ KHKT, công nghệ, vật liệu xây dựng mới mang lại hiệu quả	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4
5.2	Có sáng kiến cải tiến trong thiết kế, thi công, quản lý nhằm nâng cao chất lượng công trình, rút ngắn thời gian thi công	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4	0 đến 4
6	Đánh giá của Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý, sử dụng	0 đến 3	0 đến 3	0 đến 3	0 đến 3	0 đến 3
7.	Các giải thưởng khác về kiến trúc, xây dựng	0/2	0/2	0/2	0/2	0/2

Ghi chú: Mức điểm trong bảng là điểm tối đa cho các tiêu chí đánh giá. Điểm được đánh giá theo thang 0,5 điểm.

Phụ lục III
DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM DỰ GIẢI THƯỞNG
VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BXD
ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

TT	Tên tài liệu	Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao	Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao		
			Thi công xây dựng	Tư vấn thiết kế	Tư vấn giám sát
1	Bản đăng ký tham dự Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao	x			
2	Bản đăng ký tham dự Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao		x	x	x
3	Báo cáo giới thiệu chung về công trình xây dựng	x			
4	Báo cáo giới thiệu chung về gói thầu xây dựng		x	x	x
5	Văn bản chấp thuận của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với công trình xây dựng, gói thầu xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh	x	x	x	x
6	Báo cáo tự đánh giá của chủ đầu tư, đại diện chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính, tổng thầu thi công xây dựng công trình thể hiện việc đáp ứng các tiêu chí đánh giá quy định tại Điều 10 Thông tư này	x			
7	Báo cáo tự đánh giá của nhà thầu về kết quả thực hiện gói thầu xây dựng thể hiện việc đáp ứng các tiêu chí đánh giá theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.		x	x	x
8	Bảng tự chấm điểm theo Phụ lục II	x			
9	Bảng tự chấm điểm theo Phụ lục V		x		
10	Bảng tự chấm điểm theo Phụ lục VI			x	
11	Bảng tự chấm điểm theo Phụ lục VII				x
12	Bản sao Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng (nếu có)	x	x		x
13	Bản sao văn bản về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của cơ quan chuyên môn về xây dựng	x	x	x	x
14	Bản sao Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng để đưa vào sử dụng	x	x	x	x
15	Bản sao Biên bản thanh lý hợp đồng và quyết toán thể hiện giá trị công trình hoặc gói thầu	x	x	x	x

TT	Tên tài liệu	Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao	Giải thưởng Gói thầu xây dựng chất lượng cao		
			Thi công xây dựng	Tư vấn thiết kế	Tư vấn giám sát
16	Bản sao các văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý có thẩm quyền về phòng chống cháy, nổ, an toàn môi trường, an toàn vận hành theo quy định của pháp luật	x	x	x	x
17	Nhận xét, đánh giá của Chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý, sử dụng về chất lượng công trình, gói thầu	x	x	x	x
18	Các ảnh chụp minh họa về công trình hoặc gói thầu	x	x	x	x
19	Bản sao Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng			x	
20	Bản sao các quyết định phê duyệt thiết kế KT, thiết kế BVTC	x	x	x	
21	Bản sao Giấy chứng nhận giải thưởng về kiến trúc, xây dựng (nếu có)	x		x	

Ghi chú:

- Dấu “x” thể hiện thành phần hồ sơ cần phải có đối với từng hình thức đăng ký tham dự Giải thưởng.

- Các video clip minh họa quá trình thi công (nếu có), hồ sơ chứng minh đạt các tiêu chí đánh giá theo các Phụ lục II, V, VI, VII (bản scan) cần được lưu trữ vào đĩa CD hoặc thiết bị lưu trữ di động khác để gửi về Cơ quan thường trực Hội đồng (gửi kèm theo Hồ sơ đăng ký tham dự giải thưởng).

Phụ lục IV
MẪU ĐĂNG KÝ THAM DỰ
GIẢI THƯỞNG VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số **04**/2016/TT-BXD
ngày **10** tháng **3** năm 2016 của Bộ Xây dựng)

Mẫu số 1:

BẢN ĐĂNG KÝ THAM DỰ
GIẢI THƯỞNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO
NĂM 20.....

1. Thông tin công trình xây dựng:
 - Tên công trình:
 - Quy mô, cấp công trình:
 - Địa điểm xây dựng:
 - Ngày khởi công:
 - Ngày hoàn thành:
 - Giá trị quyết toán hoặc dự toán xây dựng công trình (nếu chưa được quyết toán):
2. Chủ đầu tư (hoặc đại diện có thẩm quyền của chủ đầu tư, Ban QLDA):
3. Chủ quản lý sử dụng (nếu có).
.....
4. Các nhà thầu chính tham gia xây dựng công trình:
 - Thiết kế xây dựng:
 - Thi công xây dựng:
 - Giám sát thi công xây dựng:
 - Tư vấn quản lý dự án:
5. Đơn vị đăng ký:
 - Tên người đại diện liên lạc:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại: Fax:
 - Email:

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 2:

**BẢN ĐĂNG KÝ THAM DỰ
GIẢI THƯỞNG GÓI THẦU XÂY DỰNG CHẤT LƯỢNG CAO
NĂM 20.....**

1. Thông tin gói thầu:

- Tên gói thầu:
- Thuộc công trình:
- Quy mô, cấp công trình:
- Địa điểm xây dựng:
- Ngày khởi công:
- Ngày hoàn thành:
- Giá trị dự toán công trình:
- Giá trị quyết toán hoặc dự toán gói thầu (nếu chưa được quyết toán):
.....

2. Chủ đầu tư (hoặc đại diện có thẩm quyền của chủ đầu tư, Ban QLDA):

.....

3. Các nhà thầu chính:

- Thiết kế xây dựng:
- Thi công xây dựng:
- Giám sát thi công xây dựng:
- Tư vấn quản lý dự án:

4. Đơn vị đăng ký:

- Tên người đại diện liên lạc:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Email:

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CỦA ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ
(ký tên, đóng dấu)**

Phụ lục V
BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT CHO CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
GÓI THẦU THI CÔNG XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số **04/2016/TT-BXD**
ngày **10 tháng 3** năm 2016 của Bộ Xây dựng)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.	Lực lượng thi công	15	
1.1	Chỉ huy trưởng công trường	6	
	- Đảm bảo năng lực theo hồ sơ dự thầu	0 đến 3	
	- Trao đổi đầy đủ thông tin với chủ đầu tư theo các điều kiện hợp đồng; biên bản họp; nhật ký công trình	0 đến 3	
1.2	Cán bộ kỹ thuật	3	
	- Đảm bảo số lượng theo hồ sơ dự thầu; cán bộ hiểu rõ chỉ dẫn kỹ thuật, bản vẽ thi công và thuyết minh biện pháp thi công; chế độ báo cáo	0 đến 2	
	- Đề xuất các hướng dẫn kỹ thuật phù hợp để quản lý, kiểm soát các thầu phụ	0/1	
1.3	Công nhân kỹ thuật	3	
	- Đảm bảo số lượng theo hồ sơ dự thầu	0 đến 2	
	- Biết sử dụng, bảo quản vật tư và thiết bị trên công trường một cách phù hợp	0 đến 1	
1.4	Máy, thiết bị	3	
	- Đảm bảo đủ số lượng, công suất, chất lượng theo hồ sơ dự thầu, được bố trí phù hợp để phục vụ thi công	0 đến 2	
	- Không có sự cố về máy móc, thiết bị	0/1	
2.	Công tác quản lý	30	
2.1	Quản lý chất lượng	10	
	- Tổ chức thi công: Có thiết kế biện pháp thi công, sơ đồ tổ chức thi công, kế hoạch thi công được Chủ đầu tư phê duyệt trước khi thi công	0 đến 3	
	- Môi trường và điều kiện làm việc	0 đến 1	
	- Quản lý chất lượng thi công: + Nhà thầu có hệ thống quản lý chất lượng hoạt động hiệu quả	0 đến 2	
	+ Tuân thủ nghiêm túc các quy định về quản lý chất lượng	0 đến 2	
	+ Hồ sơ hoàn thành công trình được lập đầy đủ và phù hợp	0 đến 2	
2.2	Quản lý tiến độ	10	
	- Có tiến độ thi công tổng thể được chủ đầu tư phê duyệt và tiến độ thi công chi tiết	0/3	
	- Kiểm soát tiến độ: + Công trình được hoàn thành đúng hạn theo điều kiện hợp đồng, không có bất kỳ sự trì hoãn nào thuộc trách nhiệm nhà	0 đến 4	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	thầu		
	+ Thời hạn thi công được rút ngắn do cải tiến kỹ thuật và khắc phục khó khăn	0 đến 3	
2.3	Quản lý an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường	10	
	- Có Sổ tay an toàn lao động theo QCVN 18:2014/BXD	0/1	
	- Có biện pháp đảm bảo an toàn thi công, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường được chủ đầu tư phê duyệt	0/2	
	- Thực hiện kịp thời các chương trình huấn luyện an toàn, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường cho người lao động	0/1	
	- Có các biện pháp kiểm soát ngăn ngừa rủi ro phù hợp; không có các hành vi vi phạm các quy định về an toàn lao động trên công trường	0 đến 2	
	- Thực hiện tuần tra an toàn thường kỳ; khắc phục kịp thời các điểm nguy hiểm được chỉ ra trong quá trình kiểm tra	0 đến 3	
	- Kiểm tra chặt chẽ đảm bảo an toàn các kết cấu tạm sau khi lắp dựng	0 đến 1	
	- Sự cố: + Cấp I + Cấp II + Cấp III	- 10 - 7 - 5	
3.	Chất lượng gói thầu	55	
3.1	Gói thầu xây dựng	55	
	- Chất lượng vật liệu đầu vào so với chỉ dẫn kỹ thuật	0 đến 10	
	- Chất lượng thi công so với yêu cầu thiết kế, quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng	0 đến 20	
	+ Chất lượng thi công kết cấu công trình (các chỉ tiêu kỹ thuật, vị trí, cao độ, kích thước hình học...) so với yêu cầu thiết kế, tiêu chuẩn, quy chuẩn được áp dụng.	0 đến 12	
	+ Kết quả kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình qua các số liệu quan trắc so với yêu cầu thiết kế (độ lún, chuyển vị, biến dạng, thấm...).	0 đến 5	
	+ Chất lượng hoàn thiện	0 đến 3	
	- Đánh giá của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi kiểm tra công tác nghiệm thu	15	
	+ Chất lượng đạt yêu cầu, không có các tồn tại về chất lượng	0 đến 15	
	+ Có một số lỗi nhỏ phải khắc phục	-5	
	+ Có nhiều sai sót lớn phải sửa chữa	-10	
	- Ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng	0 đến 10	
3.2	Gói thầu cơ điện	55	
	- Chất lượng thiết bị so với chỉ dẫn kỹ thuật	0 đến 10	
	- Công tác chế tạo, lắp đặt và nghiệm thu theo yêu cầu thiết kế	0 đến 15	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	+ Công tác chế tạo, lắp đặt đúng quy trình	0 đến 10	
	+ Các sai số nằm trong giới hạn cho phép	0 đến 5	
	<i>- Vận hành an toàn, các thông số kỹ thuật nằm trong giới hạn cho phép</i>	<i>0 đến 10</i>	
	+ Thực hiện chạy thử không tải, có tải, liên động đạt yêu cầu	0 đến 6	
	+ Không có sự cố vận hành phải khắc phục	4/0	
	<i>- Đánh giá của cơ quan chuyên môn về xây dựng khi kiểm tra công tác nghiệm thu</i>	<i>0 đến 10</i>	
	+ Chất lượng đạt yêu cầu, không có các tồn tại về chất lượng	0 đến 10	
	+ Có một số lỗi nhỏ phải khắc phục, sửa chữa	-5	
	+ Có nhiều sai sót lớn phải sửa chữa	-10	
	<i>- Ứng dụng công nghệ mới, tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong xây dựng</i>	<i>0 đến 10</i>	
	Tổng cộng:	100	

Ghi chú: Gói thầu đạt giải thưởng phải có số điểm đánh giá từ 75 trở lên.

Phụ lục VI
BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT CHO CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
GÓI THẦU TƯ VẤN THIẾT KẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số **04/2016/TT-BXD**
ngày **10** tháng **3** năm 2016 của Bộ Xây dựng)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Chất lượng thiết kế	65	
1.1	Giải pháp thiết kế	30	
	- Kết cấu	0 đến 4	
	- Kiến trúc, cảnh quan	0 đến 3	
	- Hệ thống kỹ thuật	0 đến 5	
	- Phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường	0 đến 3	
	- Công năng sử dụng	0 đến 5	
	- Áp dụng tiến bộ KHKT, công nghệ mới, vật liệu mới, hiệu quả kinh tế	0 đến 10	
1.2	Chất lượng hồ sơ thiết kế	15	
	- Bản vẽ thiết kế	0 đến 6	
	- Thuyết minh thiết kế, bản tính	0 đến 3	
	- Dự toán	0 đến 3	
	- Quy trình bảo trì	0 đến 3	
1.3	Đánh giá của Cơ quan chuyên môn về xây dựng khi thẩm định thiết kế hoặc của tư vấn khi thẩm tra thiết kế	20	
	- Năng lực của tổ chức tư vấn	0 đến 2	
	- Sự phù hợp của các bước thiết kế xây dựng	0 đến 3	
	- Chất lượng đảm bảo, không phải sửa đổi, bổ sung; dự toán không bị cắt giảm sau thẩm tra	0 đến 15	
	- Hồ sơ thiết kế còn có một số lỗi phải sửa đổi, bổ sung	-5	
	- Giá trị dự toán bị cắt giảm sau thẩm tra	-5	
	- Có nhiều sai sót phải sửa đổi lớn	-10	
2.	Công tác quản lý chất lượng thiết kế	15	
	- Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO	0/4	
	- Kiểm tra chất lượng nội bộ	0 đến 4	
	- Sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng cho công trình	0 đến 7	
3.	Tiến độ thực hiện	10	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	- Đảm bảo đúng hoặc vượt tiến độ yêu cầu	0 đến 10	
	- Kéo dài tiến độ do lỗi của nhà thầu	-5	
4.	Đánh giá của chủ đầu tư hoặc đơn vị quản lý, sử dụng	10	
	- Mức độ hài lòng về chất lượng thiết kế	0 đến 10	
	Tổng cộng:	100	

Ghi chú: Gói thầu đạt giải thưởng phải có số điểm đánh giá từ 75 trở lên.

Phụ lục VII
BẢNG ĐIỂM CHI TIẾT CHO CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
GÓI THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số **04/2016/TT-BXD**
ngày **10** tháng **3** năm 2016 của Bộ Xây dựng)

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)
1.	Giám sát chất lượng thi công xây dựng	65	
1.1	Kết quả giám sát chất lượng công trình	40	
	- Kiểm soát điều kiện năng lực của các nhà thầu so với hồ sơ dự thầu và hợp đồng	0 đến 5	
	- Kiểm soát biện pháp thi công của nhà thầu so với biện pháp thi công đã được duyệt	0 đến 5	
	- Kiểm soát vật liệu đầu vào, cấu kiện, sản phẩm xây dựng, thiết bị lắp đặt vào công trình	0 đến 5	
	- Kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình theo thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật	0 đến 15	
	- Sự tuân thủ các quy định về công tác nghiệm thu	0 đến 5	
	- Tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình	0 đến 5	
1.2	Công tác tư vấn, quản lý	10	
	- Tư vấn, đề xuất cho chủ đầu tư về chất lượng hồ sơ thiết kế, công tác quản lý chất lượng	0 đến 4	
	- Sự tuân thủ các quy định về giám sát	0 đến 3	
	- Tính thường xuyên, liên tục, nghiêm túc, chính xác	0 đến 3	
1.3	Đánh giá của Cơ quan chuyên môn khi kiểm tra công tác nghiệm thu	15	
	- Chất lượng đạt yêu cầu, không có các tồn tại về chất lượng	0 đến 15	
	- Còn tồn tại một số lỗi nhỏ phải khắc phục	-5	
	- Có nhiều sai sót lớn phải sửa chữa	-10	
2.	Lực lượng giám sát	15	
	- Tổ chức giám sát trên công trường	0 đến 5	
	- Giám sát trưởng	0 đến 5	
	- Giám sát viên	0 đến 5	
3.	Giám sát tiến độ thi công	10	
	- Kiểm soát tiến độ chi tiết	0 đến 5	
	- Kiểm soát tiến độ tổng thể	0 đến 5	
4.	Giám sát an toàn trong thi công xây dựng, phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường	10	
	- An toàn trong thi công xây dựng	0 đến 5	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
	- An toàn phòng chống cháy, nổ	0 đến 3	
	- Vệ sinh môi trường	0 đến 2	
	Tổng cộng:	100	

Ghi chú: Gói thầu đạt giải thưởng phải có số điểm đánh giá từ 75 trở lên.

Kính trình: Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng

Vấn đề trình: Ban hành Thông tư Quy định chi tiết về phân cấp công trình và hướng dẫn áp dụng cấp công trình trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình

ý kiến của Đơn vị chủ trì soạn thảo:

1. Tóm tắt nội dung và và kiến nghị giải quyết:

Thực hiện Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 của Bộ Xây dựng, Cục Giám định được giao chủ trì nghiên cứu soạn thảo Thông tư “Quy định chi tiết về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng cấp công trình trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng công trình” theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 25/7/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (dưới đây viết là Nghị định 46/2015/NĐ-CP). Cục Giám định đã hoàn thiện Dự thảo và kính trình Bộ trưởng ban hành Thông tư này.

2. Cơ sở ban hành văn bản:

3. Ý kiến tham gia của các đơn vị phối hợp

VP: 

4. Chuyên viên soạn thảo văn bản:


15/8/2016

Lê Trường Giang

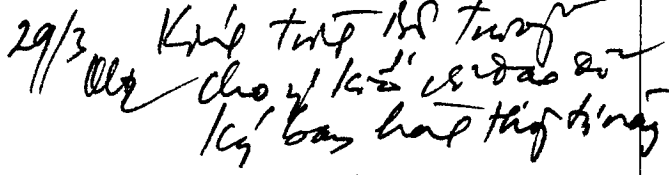
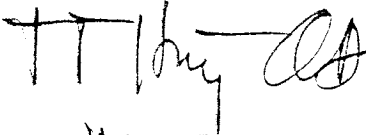
5. Xác định mức độ mật của văn bản:

Thường	Mật	Tối mật
--------	-----	---------

6. Lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản:


Phạm Minh Hà

ý kiến giải quyết của Lãnh đạo Bộ:

29/3 
Kính trình Bộ trưởng
cho ý kiến của các đơn vị
liên quan hợp tác thi công
TT Huy 


7. Thời gian trình và người tiếp nhận:

7.1. Thời gian trình:

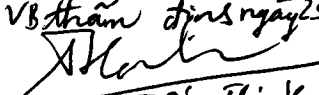
Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4
25.3.			

7.2. Người tiếp nhận:

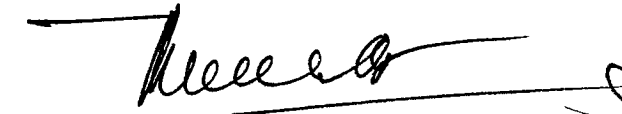
8. Chuyên viên tổng hợp:

27.3. 
14 một mặt in lại
nhưng
H. KUY H. KUY

9. Vụ Pháp chế thẩm định văn bản OPPL:

Vụ Pháp chế đã có VB thẩm định ngày 23/2/2016
23/3/2016

Tống Thị Hằng

10. ý kiến Lãnh đạo Văn phòng:



11. Lưu văn bản trên mạng XDNET:

11.1. Có lưu trên mạng:

11.2. Không lưu trên mạng: